

Số: 01/2023/TTLT-BCA-BQP-
TANDTC-VKSNDTC

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2023

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Quy định việc phối hợp trong thực hiện một số quy định
của Luật Thi hành án hình sự về thi hành án hình sự tại cộng đồng

Căn cứ Luật Thi hành án hình sự ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Bộ luật Hình sự ngày 27 tháng 11 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự ngày 20 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao liên tịch quy định việc phối hợp trong thực hiện một số quy định của Luật Thi hành án hình sự về thi hành án hình sự tại cộng đồng.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư liên tịch này quy định việc phối hợp trong thực hiện một số quy định của Luật Thi hành án hình sự về trình tự, thủ tục thi hành án treo, cải tạo không giam giữ, cấm cư trú, quản chế, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, tước một số quyền công dân; thi hành quyết định đối với người bị kết án phạt tù đang tại ngoại mà bản án đã có hiệu lực pháp luật, hoãn chấp hành án phạt tù, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, tha tù trước thời hạn có điều kiện.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư liên tịch này áp dụng đối với:

1. Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan được giao một số nhiệm vụ về thi hành án hình sự, Công an cấp xã; người có thẩm quyền, trách nhiệm thực hiện thi hành án hình sự thuộc các cơ quan, đơn vị này.

2. Người được hưởng án treo; người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, cấm cư trú, quản chế, tước một số quyền công dân, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; người bị kết án phạt tù đang tại ngoại mà bản án đã có hiệu lực pháp luật, người được hoãn chấp hành

án phạt tù, người được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện (gọi chung là người chấp hành án).

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến thi hành án hình sự tại cộng đồng.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 3. Thi hành án treo, cải tạo không giam giữ trong trường hợp người chấp hành án không còn ở nơi cư trú tại thời điểm cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án

Khi thực hiện thủ tục triệu tập người chấp hành án để cam kết việc chấp hành án theo quy định tại khoản 1 Điều 85, khoản 1 Điều 97 Luật Thi hành án hình sự, nếu người chấp hành án không có mặt theo đúng thời hạn triệu tập thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phải tiến hành xác minh về nơi cư trú của người chấp hành án tại các địa chỉ của người chấp hành án nêu trong bản án và các địa chỉ khác có liên quan. Căn cứ kết quả xác minh, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện thực hiện:

1. Trường hợp xác định được nơi ở của người chấp hành án thì yêu cầu họ trở về nơi cư trú; lập biên bản vi phạm nghĩa vụ và tiếp tục thực hiện thủ tục thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

2. Trường hợp người chấp hành án đã được giải quyết thay đổi nơi cư trú của cơ quan có thẩm quyền thì thông báo bằng văn bản và chuyển bản án, quyết định thi hành án cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người chấp hành án hiện đang cư trú để tổ chức thi hành theo quy định của Luật Thi hành án hình sự, đồng thời thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

Trường hợp người chấp hành án tự thay đổi nơi cư trú mà chưa có sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền thì triệu tập người chấp hành án đến trụ sở cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, lập biên bản vi phạm nghĩa vụ; thông báo bằng văn bản và chuyển bản án, quyết định thi hành án cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người chấp hành án đang cư trú để tổ chức thi hành theo quy định của Luật Thi hành án hình sự, đồng thời thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chấp hành án đang cư trú tiếp nhận bản án, quyết định thi hành án và tổ chức thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

3. Trường hợp người chấp hành án đã bỏ đi khỏi nơi cư trú không biết đi đâu, không rõ đang ở đâu thì thực hiện theo khoản 1 Điều 93 Luật Thi hành án hình sự đối với người được hưởng án treo; tiến hành truy tìm và xử lý theo quy định của pháp luật đối với người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ.

Điều 4. Phối hợp thi hành án treo, cải tạo không giam giữ trong trường hợp Tòa án giao cho cơ quan, tổ chức nơi người chấp hành án làm việc, học tập thực hiện giám sát, giáo dục

Trường hợp Tòa án giao người được hưởng án treo, người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ cho cơ quan, tổ chức nơi người chấp hành án làm việc, học tập (không phải là đơn vị quân đội) giám sát, giáo dục thì thực hiện như sau:

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện tiến hành triệu tập người chấp hành án đến trụ sở cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để cam kết việc chấp hành án; lập hồ sơ thi hành án, thông báo và sao gửi các tài liệu quy định tại khoản 2 Điều 85, khoản 2 Điều 97 Luật Thi hành án hình sự cho cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục.

2. Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện hướng dẫn cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục thực hiện thi hành án như sau:

a) Lập hồ sơ giám sát, giáo dục người chấp hành án theo khoản 3 Điều 85, khoản 3 Điều 97 Luật Thi hành án hình sự;

b) Định kỳ hằng tháng người đứng đầu cơ quan, tổ chức xác nhận vào bản tự nhận xét của người chấp hành án; nhận xét bằng văn bản về quá trình chấp hành án của người chấp hành án, gửi cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện và lưu hồ sơ giám sát, giáo dục người chấp hành án;

c) Trước khi hết thời gian thử thách 03 ngày, bàn giao hồ sơ giám sát, giáo dục người chấp hành án cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt theo khoản 4 Điều 85, khoản 4 Điều 97 Luật Thi hành án hình sự;

d) Báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện đề nghị rút ngắn thời gian thử thách án treo, giảm, miễn thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ khi có đủ điều kiện;

đ) Báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện khi người chấp hành án vi phạm nghĩa vụ, vi phạm pháp luật để xử lý;

e) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chấp hành án cư trú để thực hiện giám sát, giáo dục người chấp hành án.

3. Trường hợp người chấp hành án có đơn xin chuyển nơi chấp hành án về Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú thì tiến hành chuyển giao hồ sơ thi hành án, hồ sơ giám sát, giáo dục người chấp hành án cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chấp hành án cư trú để tiếp tục thi hành án; thông báo về việc chuyển giao thi hành án cho Tòa án đã ra quyết định thi hành án, Viện kiểm sát nơi chuyển đi và nơi chuyển đến.

Điều 5. Xác định thời điểm bắt đầu chấp hành án, thời gian chấp hành án

1. Thời điểm bắt đầu chấp hành án được xác định như sau:

a) Thời điểm bắt đầu chấp hành án treo thực hiện theo Điều 5 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo và khoản

4 Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo;

b) Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu nhận được quyết định thi hành án;

c) Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cấm cư trú, quản chế tính từ ngày chấp hành xong án phạt tù;

d) Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt tước một số quyền công dân tính từ ngày chấp hành xong hình phạt tù hoặc từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật trong trường hợp người bị kết án được hưởng án treo.

đ) Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định tính từ ngày chấp hành xong hình phạt tù hoặc từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu hình phạt chính là cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc trong trường hợp người bị kết án được hưởng án treo.

2. Trường hợp người chấp hành án phạt quản chế vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật Thi hành án hình sự thì thời gian không được tính vào thời hạn chấp hành án phạt quản chế được tính theo số ngày đi khỏi nơi quản chế mà không có giấy phép hoặc số ngày vi phạm quy định ghi trong giấy phép.

Căn cứ biên bản xác định người chấp hành án phạt quản chế đi khỏi nơi quản chế không có giấy phép, vi phạm quy định ghi trong giấy phép, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để ra quyết định về thời gian không được tính vào thời hạn chấp hành án phạt quản chế bằng văn bản và gửi cho Ủy ban nhân dân cấp xã, Tòa án đã ra quyết định thi hành án và Viện kiểm sát cùng cấp.

Điều 6. Thi hành án trong trường hợp người chấp hành án đồng thời phải chấp hành nhiều loại án phạt khác nhau

1. Trường hợp người chấp hành án đồng thời phải chấp hành nhiều loại án phạt khác nhau thì tổ chức thi hành đối với từng án phạt riêng theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

2. Người được hưởng án treo đồng thời phải chấp hành án phạt tù thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục người được hưởng án treo thông báo cho trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu nơi đang quản lý người chấp hành án biết; không thực hiện việc triệu tập người chấp hành án, rút ngắn thời gian thử thách, báo cáo hằng tháng của người được hưởng án treo.

Trường hợp hết thời gian thử thách mà chưa chấp hành xong án phạt tù thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu cấp giấy chứng nhận chấp hành xong thời gian thử thách, gửi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 4 Điều 85 Luật Thi hành án hình sự, đồng thời gửi

cho trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu nơi đang quản lý người chấp hành án.

Trường hợp chấp hành xong án phạt tù mà chưa hết thời gian thử thách thì trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày chấp hành xong án phạt tù, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu phải triệu tập người được hưởng án treo để thực hiện cam kết việc chấp hành án và thực hiện các thủ tục thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

3. Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện có hình phạt bổ sung là cấm cư trú, quản chế, tước một số quyền công dân, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì ngay sau khi chấp hành xong thời gian thử thách, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện tổ chức thi hành án phạt cấm cư trú, quản chế, tước một số quyền công dân, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.

Điều 7. Thực hiện nhận xét, báo cáo về việc chấp hành án

1. Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội nhận xét, báo cáo về việc chấp hành án của người được hưởng án treo, người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, người được hoãn chấp hành án phạt tù, người được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện theo định kỳ mỗi tháng một lần.

Mốc thời gian nhận xét, báo cáo tính từ ngày đầu tiên của tháng nhận xét, báo cáo (đối với tháng đầu tiên, tính từ ngày bắt đầu chấp hành án) đến ngày cuối cùng của tháng nhận xét, báo cáo (đối với tháng cuối cùng, tính đến ngày bàn giao hồ sơ giám sát, giáo dục người được hưởng án treo, cải tạo không giam giữ, quản lý người được hoãn, tạm đình chỉ, tha tù trước thời hạn có điều kiện cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu).

Trong thời hạn 05 ngày đầu tiên của tháng tiếp theo (liên kế với tháng nhận xét, báo cáo), Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội phải hoàn thành bản nhận xét, báo cáo và gửi cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu để lưu hồ sơ thi hành án.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã nhận xét về quá trình chấp hành án phạt quản chế theo định kỳ 03 tháng một lần.

Thời gian nhận xét tính từ ngày đầu tiên của tháng đầu tiên trong kỳ nhận xét (đối với kỳ đầu tiên, tính từ ngày bắt đầu chấp hành án) đến ngày cuối tháng của tháng cuối trong kỳ nhận xét (đối với kỳ cuối cùng, tính đến ngày bàn giao hồ sơ kiểm soát, giáo dục người chấp hành án phạt quản chế cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện).

Trong thời hạn 05 ngày đầu tiên của tháng tiếp theo (liên kế với kỳ nhận xét), Ủy ban nhân dân cấp xã phải hoàn thành việc nhận xét; lưu hồ sơ kiểm soát, giáo dục người chấp hành án phạt quản chế và gửi cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để lưu hồ sơ thi hành án.

3. Việc báo cáo kết quả thi hành án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định quy định tại Điều 131 Luật Thi hành án

hình sự thực hiện như sau:

a) Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quận khu yêu cầu cơ quan, tổ chức nơi người chấp hành án làm việc báo cáo kết quả thi hành án cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện theo định kỳ 03 tháng một lần.

Mốc thời gian báo cáo tính từ ngày đầu tiên của tháng đầu tiên trong kỳ báo cáo (đối với kỳ đầu tiên, tính từ ngày bắt đầu chấp hành án) đến ngày cuối tháng của tháng cuối trong kỳ báo cáo (đối với kỳ cuối cùng, tính đến ngày hết thời hạn chấp hành án).

Trong thời hạn 05 ngày đầu tiên của tháng tiếp theo, cơ quan, tổ chức nơi người chấp hành án làm việc phải gửi báo cáo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để lưu hồ sơ thi hành án.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chấp hành án cư trú báo cáo kết quả toàn bộ quá trình thi hành án cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện trong thời hạn 03 ngày làm việc trước khi hết thời hạn chấp hành án.

Điều 8. Giải quyết thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc của người chấp hành án

1. Trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện, người được hoãn chấp hành án phạt tù, người được hưởng án treo, cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, khoản 3 Điều 25, khoản 3 Điều 92 và khoản 3 Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự và quy định của Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết thi hành Luật Thi hành án hình sự.

2. Trường hợp người chấp hành án phạt quản chế, người được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù buộc phải thay đổi nơi cư trú vì lý do bất khả kháng như không còn nơi cư trú, buộc phải chuyển đến nơi cư trú để có người chăm sóc, nuôi dưỡng và các trường hợp khác thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh để báo cáo Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an xem xét, quyết định.

Nếu được giải quyết thay đổi nơi cư trú thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phải ra quyết định bằng văn bản; thông báo cho Tòa án, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Tòa án đã ra quyết định thi hành án, Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ; bàn giao hồ sơ, tài liệu cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người chấp hành án đến cư trú để tiếp tục thực hiện kiểm soát, giáo dục người chấp hành án phạt quản chế, quản lý người được tạm đình chỉ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

3. Trường hợp người chấp hành án phạt cấm cư trú thay đổi nơi cư trú thì thực hiện như sau:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có căn cứ xác định người chấp hành án đã thay đổi nơi cư trú, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo và bàn giao hồ sơ giám sát, giáo dục người chấp hành án cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phải thông báo, bàn giao hồ sơ thi hành án và hồ sơ giám sát, giáo dục người chấp hành án cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người chấp hành án đến cư trú để tiếp tục thi hành án, đồng thời thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người chấp hành án đến cư trú phải thông báo; bàn giao hồ sơ giám sát, giáo dục người chấp hành án cho Ủy ban nhân dân cấp xã để giám sát, giáo dục người chấp hành án và thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp.

4. Trường hợp người chấp hành án phạt tước một số quyền công dân, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thay đổi nơi cư trú thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có căn cứ xác định người chấp hành án đã thay đổi nơi cư trú, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện thông báo và bàn giao hồ sơ thi hành án cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người chấp hành án đến cư trú để tiếp tục thi hành án và thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người chấp hành án đến cư trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chấp hành án đến cư trú để theo dõi, giám sát việc thực hiện thi hành án và thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp.

Điều 9. Thi hành án đối với các trường hợp do cơ quan, đơn vị Quân đội có thẩm quyền chuyển giao

1. Trường hợp nhận được bản án, quyết định thi hành án do Tòa án quân sự chuyển đến, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện tổ chức thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

2. Trường hợp người được hưởng án treo, người đang chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ không tiếp tục làm việc trong quân đội mà cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu bàn giao hồ sơ thi hành án, hồ sơ giám sát, giáo dục người chấp hành án cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người chấp hành án cư trú thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện tiếp nhận hồ sơ và tiếp tục tổ chức thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Điều 10. Thực hiện kiểm điểm người được tha tù trước thời hạn có điều kiện, người được hưởng án treo, cải tạo không giam giữ vi phạm nghĩa vụ, vi phạm pháp luật

1. Việc kiểm điểm người được tha tù trước thời hạn có điều kiện, người được hưởng án treo, cải tạo không giam giữ thực hiện theo quy định tại Điều 66, Điều 91 và Điều 105 Luật Thi hành án hình sự.

2. Trường hợp người chấp hành án không có mặt để kiểm điểm theo đúng thời hạn triệu tập mà không có lý do chính đáng thì tiến hành lập biên bản vi phạm nghĩa vụ và kiểm điểm vắng mặt. Biên bản kiểm điểm trong trường hợp

người chấp hành án vắng mặt có giá trị như trường hợp kiểm điểm người chấp hành án có mặt.

Điều 11. Thi hành án trong trường hợp người chấp hành án bị đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở chữa bệnh bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời gian chấp hành án

1. Ngay sau khi người chấp hành án bị đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở chữa bệnh bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản thông báo cho cơ quan, tổ chức đó biết để phối hợp thực hiện thủ tục thi hành án; báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để theo dõi và thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp.

2. Trường hợp người chấp hành án chấp hành xong quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở chữa bệnh bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc mà chưa chấp hành xong án phạt thì ngay sau khi trở về nơi cư trú, Ủy ban nhân dân cấp xã phải triệu tập người chấp hành án đến trụ sở để yêu cầu người chấp hành án tiếp tục chấp hành án và báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện.

Trường hợp hết thời hạn chấp hành án mà chưa chấp hành xong quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở chữa bệnh bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc thì Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị các cơ quan, tổ chức đó nhận xét toàn bộ quá trình chấp hành nội quy, quy chế của người chấp hành án trong thời gian ở trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở chữa bệnh bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; bàn giao hồ sơ giám sát, giáo dục người được hưởng án treo, cải tạo không giam giữ, cấm cư trú; hồ sơ kiểm soát, giáo dục người chấp hành án phạt quản chế, hồ sơ quản lý người được hoãn chấp hành án phạt tù, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, tha tù trước thời hạn có điều kiện cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt.

Điều 12. Giải quyết trường hợp có quyết định hủy bản án đang thi hành

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hủy bản án đang thi hành, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu thông báo và yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội bàn giao hồ sơ giám sát, giáo dục người được hưởng án treo, cải tạo không giam giữ, cấm cư trú; hồ sơ kiểm soát, giáo dục người chấp hành án phạt quản chế; hồ sơ quản lý người được hoãn chấp hành án phạt tù, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, tha tù trước thời hạn có điều kiện cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu và thực hiện các thủ tục theo nội dung nêu trong quyết định hủy bản án.

Điều 13. Thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng đối với người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ

1. Công an cấp xã yêu cầu người chấp hành án viết bản báo cáo về tình trạng không có việc làm và phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức kiểm tra, xác minh làm căn cứ xác định tình trạng không có việc làm hoặc mất việc làm;

báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã để áp dụng thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng.

2. Việc thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng của người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ thực hiện theo khoản 5 Điều 101 Luật Thi hành án hình sự. Khi có căn cứ xác định người chấp hành án có việc làm hoặc thuộc trường hợp không áp dụng biện pháp lao động phục vụ cộng đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Bộ luật Hình sự, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để ra quyết định chấm dứt thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng.

Điều 14. Thực hiện buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo do vi phạm nghĩa vụ

1. Việc đề nghị Tòa án xem xét, quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo thực hiện như sau:

a) Trường hợp buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo quy định tại khoản 1 Điều 93 Luật Thi hành án hình sự thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn mà người được hưởng án treo phải có mặt (lần 02), cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu có văn bản đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện nơi người được hưởng án treo cư trú, Tòa án quân sự khu vực nơi người được hưởng án treo làm việc quyết định buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo; đồng thời gửi cho Viện kiểm sát có thẩm quyền để thực hiện chức năng kiểm sát.

b) Trường hợp buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo quy định tại khoản 2 Điều 93 Luật Thi hành án hình sự thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục người được hưởng án treo, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu đề nghị Tòa án có thẩm quyền quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo, đồng thời gửi cho Viện kiểm sát có thẩm quyền để thực hiện chức năng kiểm sát;

c) Hồ sơ đề nghị buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo thực hiện theo khoản 3, khoản 4 Điều 93 Luật Thi hành án hình sự.

2. Trình tự, thủ tục Tòa án xem xét, quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo thực hiện theo khoản 5 Điều 93 Luật Thi hành án hình sự, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

3. Việc thi hành quyết định của Tòa án về buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo thực hiện theo khoản 6 Điều 93 Luật Thi hành án hình sự.

Điều 15. Thực hiện hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện

1. Việc đề nghị hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện như sau:

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản vi phạm nghĩa vụ lần 02 hoặc nhận được quyết định xử phạt vi phạm hành chính lần 02, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu (gửi kèm các biên bản vi phạm, quyết định xử phạt vi phạm hành chính) để đề nghị Tòa án có thẩm quyền xem xét, quyết định.

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu lập hồ sơ đề nghị hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện, chuyển đến Tòa án đã ra quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện để xem xét, hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện, đồng thời gửi 01 bộ hồ sơ đến Viện kiểm sát cùng cấp với Tòa án.

c) Hồ sơ đề nghị hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện thực hiện theo khoản 1 Điều 71 Luật Thi hành án hình sự.

2. Việc xem xét, quyết định hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện thực hiện theo khoản 4 Điều 71 Luật Thi hành án hình sự.

3. Việc thi hành quyết định hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện thực hiện theo khoản 2 Điều 71 Luật Thi hành án hình sự. Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp để thực hiện chức năng kiểm sát.

Điều 16. Thực hiện cấp giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt

1. Việc cấp giấy chứng nhận chấp hành xong thời gian thử thách án treo, giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt cải tạo không giam giữ, giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt cấm cư trú, giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt quản chế, giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt tước một số quyền công dân, giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù cho người được tha tù trước thời hạn có điều kiện thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

2. Trường hợp người được hưởng án treo, người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện đã bị khởi tố hình sự, đang trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thì tạm thời chưa cấp giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt cho đến khi có kết luận cuối cùng của cơ quan tiến hành tố tụng. Nếu người chấp hành án không phạm tội thì cấp giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt (giấy chứng nhận phải ghi đúng ngày chấp hành xong án phạt).

3. Trường hợp các cơ quan có thẩm quyền đang thực hiện thủ tục buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo, hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện thì tạm thời chưa cấp giấy chứng nhận chấp hành

xong án phạt. Nếu Tòa án không chấp nhận đề nghị buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo, hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện thì cấp giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt (giấy chứng nhận phải ghi đúng ngày chấp hành xong án phạt).

4. Vào ngày cuối cùng của thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện đi khỏi nơi cư trú mà không xin phép, báo cáo, không xác định được đang ở đâu thì tạm thời chưa cấp giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt.

Nếu có đủ điều kiện buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo, hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện thì đề nghị Tòa án có thẩm quyền buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo, hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện. Nếu không đủ điều kiện thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện xem xét, cấp giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt khi có căn cứ xác định người chấp hành án không thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời gian thử thách.

5. Đối với các trường hợp người được hưởng án treo, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện đã được cấp giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu ra quyết định hủy giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt đã cấp và gửi cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt trong các trường hợp sau:

a) Người được hưởng án treo thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời gian thử thách và có quyết định tổng hợp với hình phạt của bản án mới, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời gian thử thách và có quyết định tổng hợp với phần hình phạt tù chưa chấp hành của bản án trước theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

b) Có quyết định hủy bản án, quyết định đang thi hành; có quyết định buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo, hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện đã có hiệu lực pháp luật.

6. Trường hợp người được hưởng án treo, người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ hết thời hạn trước ngày Luật Thi hành án hình sự số 41/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 có hiệu lực thi hành nhưng chưa được cấp giấy mà có đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu yêu cầu người chấp hành án viết bản tường trình về việc chấp hành pháp luật trong thời gian chấp hành án; tiến hành xác minh tại các địa phương nơi người chấp hành án cư trú, học tập, làm việc trong thời gian chấp hành án.

Nếu kết quả xác minh xác định người chấp hành án không vi phạm pháp luật hình sự thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu cấp giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt (giấy chứng nhận phải ghi đúng ngày chấp hành xong án phạt) và gửi cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Hiệu lực thi hành

Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 3 năm 2023.

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư liên tịch này.

2. Quá trình thực hiện Thông tư liên tịch, nếu gặp khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao để có hướng dẫn kịp thời./.

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ QUỐC PHÒNG
THỨ TRƯỞNG



[Handwritten Signature]

Thượng tướng Võ Minh Lương

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ CÔNG AN
THỨ TRƯỞNG



[Handwritten Signature]

Thiếu tướng Nguyễn Văn Long

KT. CHÁNH ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ CHÁNH ÁN



[Handwritten Signature]

Nguyễn Văn Tiến

KT. VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ VIỆN TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC



[Handwritten Signature]

Nguyễn Huy Tiến

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
- Ủy ban Tư pháp của Quốc hội;
- Ban Chỉ đạo CCTPTU;
- Ban Nội chính Trung ương;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ (02 bản);
- Bộ Công an;
- Bộ Quốc phòng;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Bộ Tư pháp;
- Công thông tin điện tử của các Bộ, ngành: BCA, BQP, TANDTC, VKSNDTC;
- Lưu: VT (BCA, BQP, TANDTC, VKSNDTC).